TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2019
"V/v Ly hôn giữa chị T và anh A"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thơm**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và ông Bùi Minh Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Thị Kim T trình bày như sau:

Chị T và anh A kết hôn với nhau vào ngày 21 tháng 08 âm lịch năm 2018 và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/10/2018.

Sau khi cưới được một tháng anh A đi làm ngư phủ đánh bắt cá trên biển, chị T ở nhà với cha mẹ chồng nhưng cha mẹ chồng thường hay cáu gắt, khắc nghiệt với con dâu từ cử chỉ đến lời nói, mọi việc làm của chị cha mẹ chồng đều không bằng lòng và còn dùng nhiều lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm đến chị T. Chị Ti có điện thoại tâm sự với chồng nhưng khi anh A đi làm về thì lại nghe theo lời cha mẹ lấy hết đồ của vợ và đưa vợ rời khỏi nhà đồng thời lấy lại hết số nữ trang mà nhà chồng đã cho chị T trong ngày cưới. Sau khi chị T đã rời khỏi nhà chồng anh A còn thường xuyên nhắn tin bằng điện thoại di động dùng nhiều lời lẽ xúc phạm tới vợ và cho rằng cưới chị T vì bị gia đình ép buộc chứ không yêu thương chị T.

Do không nhận được tình yêu thương từ chồng và gia đình nhà chồng cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị T xin được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T xác định vợ chồng có 12,5 chỉ vàng 24kara và 2,5 chỉ vàng 18kara, số tài sản trên hiện anh A đang quản lý. Chị T yêu cầu được chia ½ số tài sản chung.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T tiếp tục xin ly hôn với anh A và rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn A trình bày ý kiến trong bản tự khai như sau:

Anh chị kết hôn tháng 8 năm 2018, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, nay vợ xin ly hôn anh A không đồng ý ly hôn.

Về con chung anh A xác định không có con chung.

Ngoài ra không còn trình bày ý kiến gì khác.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng) của chị T. Bị đơn không cung cấp gì thêm.

Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Sau khi chị T và anh A kết hôn thì vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ chồng chứ không có nhà riêng. Chị T chỉ ở nhà chồng được khoảng 02 tháng thì bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do khi anh A đi làm biển chị T ở nhà với cha mẹ chồng nhưng cha mẹ chồng không tin tưởng chị T về việc cất giữ số vàng được cho trong ngày cưới và buộc phải trả lại số vàng cưới cho cha mẹ chồng cất giữ. Sau khi anh A đi biển về thì vợ chồng xảy ra cự cãi về số vàng cưới nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn vì hai bên gia đình có nhiều mâu thuẫn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (Nguyên đơn) đảm bảo đúng theo quy định, đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn với anh A; đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa anh A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh A.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị T xin ly hôn với anh A và yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn".

Chị T và anh A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu câu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua lời trình bày của đương sự cũng như kết quả xác minh từ chính quyền địa phương thể hiện hôn nhân của anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn, nguyên nhân xuất phát từ việc sau khi kết hôn anh A đi làm biển còn chị T ở nhà sống với cha mẹ chồng nhưng giữa cha mẹ chồng và con dâu không có sự hòa hợp bởi gia đình chồng khắt khe, khó dễ với con dâu và muốn quản lý số tài sản chung của vợ chồng chị T có được trong ngày cưới. Là người chồng lẽ ra anh A tìm cách hòa giải mâu thuẫn giữa vợ và cha mẹ nhưng anh A lại nghe theo lời cha mẹ mà cư xử không đúng dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và chị T phải về nhà cha mẹ ruột để sống, sau khi ly thân anh A còn dùng điện thoại di động nhắn nhiều tin nhắn với những nội thể hiện không có sự thương yêu đối với vợ và đề nghị ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh A không hợp tác không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, không còn sự thương yêu, quan tâm, chia sẻ để cùng nhau xây dựng hôn nhân hạnh phúc tiến bộ và mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị T được ly hôn với anh A.

Về con chung: Các đương sự xác định không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T xin rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T về nội dung chia tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung của vợ chồng: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị T là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T về nội dung yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng do chị Nguyễn Thị Kim T xin rút yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 953.000 đồng (Chín trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005958 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Kim T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 653.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).

4. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 07/5/2019). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu, HS, VP.

Đinh Thị Thơm